

Bản án số: 102/2019/HS-PT

Ngày: 20- 11- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm

Ông Hồ Văn Luông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 78/2019/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Kiều Dương K và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST, ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Kiều Dương K; sinh năm: 1997 tại huyện 3, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm lò than; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Văn T1 và bà Trần Thị Cẩm H; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Phan Minh N; sinh năm: 1994 tại thị xã 3, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn U và bà Nguyễn Thị N1; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Nguyễn Văn T; sinh năm: 1993 tại huyện 3, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị T2; có vợ là Nguyễn Thị Bích D; con có 01 người sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo K, N, T:* Luật sư Vũ Tố Q – Văn phòng Luật sư Tố Q, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Võ Văn T3, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn G và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên tại phiên tòa phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 09/5/2019 sau khi cùng uống bia tại nhà Nguyễn Văn T, Kiều Dương K rủ Phan Minh N và Nguyễn Văn T cùng đi cắt trộm mít để bán lấy tiền trả nợ và chi xài cá nhân, N và T đồng ý. Lúc này, T lấy 01 con dao Thái Lan đưa cho K, còn N đi về nhà lấy 01 đèn pin đội đầu rồi cả ba cùng đi vào vườn mít của ông Võ Văn T3. Lúc này, N cầm đèn pin chiếu sáng để K dùng dao vạt mặt thử, chọn những trái mít già để cắt, sau khi thử được 33 trái thì K cắt 23 trái, còn lại 10 trái đã vạt mặt nhưng còn non nên không cắt. Cả ba chuyển số mít đã cắt được sang vườn của ông Phan Văn C, giáp ranh với vườn ông T3 rồi cùng nhau vác ra lộ Bào Kè. Sau đó, K đi bộ xuống ghe biển kiểm soát ĐT-21516 đang neo cách đó khoảng 70m-100m kêu Nguyễn Văn G chở mít đã trộm của ông T3 đi tìm chỗ bán thì G đồng ý. Đến 02 giờ ngày 10/5/2019 K, N, T sau khi đã vác mít xuống ghe của G thì về nhà ngủ. Khoảng 10 giờ ngày 10/5/2019, Giàu chạy ghe chở K, N, T đến vựa mít Bảy Màu thuộc địa bàn huyện 3, tỉnh Sóc Trăng để bán, tổng trọng lượng là 232kg được số tiền 5.240.000đ. K lấy 1.040.000đ; chia cho N, T mỗi người 1.000.000đ; còn lại 1.200.000đ K đưa cho G 500.000đ để đổ dầu, còn lại 700.000đ mua đồ nhậu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/KLĐG ngày 27/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu

Giang kết luận: Tổng giá trị những trái mít các bị cáo đã cắt trộm của ông Võ Văn T3 là 5.218.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST, ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Kiều Dương K, Phan Minh N, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Kiều Dương K 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Minh N 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn G; phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, các bị cáo Kiều Dương K, Phan Minh N và Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án cải tạo không giam giữ (án treo).

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo yêu cầu được hưởng án treo và cung cấp thêm đơn xác nhận là trong thời gian được tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải, các bị cáo có cung cấp tài liệu chứng minh có người thân là người có công với cách mạng, bị hại cũng yêu cầu cho các bị cáo được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Kiều Dương K, Phan Minh N và Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào lúc 23 giờ ngày 09/5/2019, lợi dụng lúc đêm khuya, các bị cáo K, N, T đã lén lút vào vườn hái trộm mít của bị hại Võ Văn T3 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã trộm cắp theo kết luận định giá tài sản là 5.218.000đ. Do đó, với hành vi và giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo K mức án 10 tháng tù, bị cáo N và bị cáo T mức án 08 tháng tù là không nặng, mức án này hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy nhân thân các bị cáo không có tiền án, tiền sự; các bị cáo có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng; trong thời gian cho tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có cung cấp tài liệu chứng minh có người thân là người có công với cách mạng và tại phiên tòa bị hại có yêu cầu cho các bị cáo được hưởng án treo. Trên cơ sở đó đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, nhằm tạo điều kiện cho người phạm tội sửa chữa sai lầm, cũng như thể hiện chính sách

khoan hồng của pháp luật nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

[4] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Kiều Dương K, Phan Minh N, Nguyễn Văn T. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Kiều Dương K, Phan Minh N, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Kiều Dương K 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Phan Minh N 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo K, N, T cho Ủy ban nhân dân xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Công an tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- TAND, VKSND, CQĐT, Chi cục THADS huyện 3.
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

Nguyễn Đình Tiến